



Tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới tới giao dịch vãng lai và giao dịch vốn của Việt Nam

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Năm 2009, nền kinh tế thế giới (KTTG) đã tiếp tục chứng kiến một cuộc khủng hoảng được biết đến như một cuộc “Đại suy thoái” kể từ sau Thế chiến thứ II. Cách đây một năm, những sự kiện u ám khởi đầu bằng vụ phá sản của Lehman Brothers đã đẩy thị trường tài chính tới bờ vực sụp đổ. Hoạt động kinh tế toàn cầu từ sản xuất công nghiệp cho đến hoạt động ngoại thương đã và đang suy giảm nhanh hơn cả cuộc khủng hoảng của những năm 1930.

Đối với những nền kinh tế mới nổi ở châu Á, bên cạnh lĩnh vực tài chính, rất nhiều lĩnh vực khác bị ảnh hưởng như tỷ giá, dự trữ ngoại hối, cán cân thanh toán (CCTT) và nợ nước ngoài, đặc biệt đối với những nước đang phát triển, tăng trưởng kinh tế cũng bị ảnh hưởng. Việc điều hành chính sách tiền tệ và tỷ giá cũng gặp nhiều thách thức và khó khăn.

Việt Nam không phải trường hợp ngoại lệ, khủng hoảng KTTG tác động đến hầu hết các hạng mục của CCTT quốc tế của Việt Nam. Tuy nhiên, đối với cán cân vãng lai, khủng hoảng có ảnh hưởng rõ nhất đến cán cân thương mại và chuyển tiền một chiều. Trong nhiều năm qua, thâm hụt cán cân thương mại là nguyên nhân chính của thâm hụt cán cân vãng lai và chuyển tiền một chiều là nguồn thu quan trọng bù đắp cho thâm hụt cán cân vãng lai. Trong khi đó, đối với cán cân vốn và tài chính, tác động rõ nhất thể hiện ở luồng vốn đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp. Vì vậy, trong khuôn khổ giới hạn, bài viết này chỉ đề cập đến những tác động của khủng hoảng KTTG tới hoạt động thương mại, chuyển tiền một chiều, đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp trong CCTT quốc tế của Việt Nam, thông qua đó đưa ra một số giải pháp.

Về hoạt động thương mại

Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam là một nước đang phát triển có độ mở khá lớn với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (XNK) đã vượt quá 160% GDP. Chính vì vậy, hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng, đặc biệt là hoạt động xuất khẩu.

Những thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam bao gồm thị trường Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu (chiếm khoảng 50% thị trường xuất khẩu của Việt Nam). Ngay từ những tháng đầu năm 2008, đã xuất hiện xu hướng giảm tốc độ xuất khẩu sang Mỹ, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Do cầu tiêu dùng tại Mỹ đang trên đà suy giảm mạnh bởi tác động của khủng hoảng tài chính, năm 2008 tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ chỉ đạt 14,5%, thấp hơn khá nhiều so với mức 26,7% của năm 2007. Tỷ trọng của thị trường Mỹ trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã giảm từ 21,2% của 10 tháng năm 2007 xuống còn 18,6% trong 10 tháng đầu năm 2008. Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng nhất là may mặc, giày da, gạo, cá basa, cà phê....

Cuộc khủng hoảng cũng tác động đến tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang Châu Âu và Nhật Bản – hai thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam. Phân tích của các chuyên gia kinh tế cho thấy, do bị tác động mạnh từ cuộc khủng hoảng, người tiêu dùng của các thị trường này cũng phải cắt giảm chi tiêu, nên nhu cầu nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng có xu hướng giảm. Tốc độ tăng của xuất khẩu sang thị trường Châu Âu cũng đã giảm chỉ còn 15% so với năm trước trong khi năm 2007 là 18%. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu sang thị trường ASEAN giảm trong các tháng cuối năm, tuy nhiên ước tính cả năm vẫn đạt 10,2 tỷ USD, tăng 31% so với năm 2007.

Xét về tổng kim ngạch XNK, năm 2008 vẫn cho thấy xu hướng tăng nhưng nếu loại trừ yếu tố giá thì tốc độ tăng khá khiêm tốn, thậm chí xét theo cơ cấu hàng hóa XNK đã bộc lộ xu hướng suy giảm của một số mặt hàng. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, năm 2008, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 62,9 tỷ USD, tăng 29,5% so với năm 2007, chủ yếu do giá các mặt hàng trên thị trường thế giới tăng. Nhưng nếu loại trừ trị giá tái xuất sắt, thép, vàng và yếu tố tăng giá của 8 mặt hàng chủ yếu (dầu thô, than đá, gạo, cà phê, cao su, hạt



tiêu, hạt điều, chè) thì kim ngạch hàng hóa xuất khẩu chỉ tăng 13,5%. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 80,4 tỷ USD, tăng 28,3% so với năm 2007. Nếu loại trừ yếu tố tăng giá của một số mặt hàng thì kim ngạch nhập khẩu năm 2008 chỉ tăng 21,4% so với năm 2007. Trong tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2008, tư liệu sản xuất chiếm 88,8%; hàng tiêu dùng chiếm 7,8%; vàng chiếm 3,4% (năm 2007 tỷ trọng của 3 nhóm hàng này tương ứng là: 90,4%; 7,5%; 2,1%). Như vậy, tỷ trọng nhập khẩu nguyên liệu cho sản xuất năm 2008 có xu hướng giảm, đây là một trong những dấu hiệu của sự chững lại trong đầu tư và sản xuất dưới tác động của cuộc khủng hoảng KTTG.

Sang năm 2009, những dấu hiệu suy giảm thương mại ở Việt Nam thể hiện rõ ràng hơn. Theo ước tính của Tổng cục thống kê 11 tháng đầu năm 2009, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 51,3 tỷ USD, giảm 11,6% so với cùng kỳ năm 2008, bao gồm khu vực kinh tế trong nước đạt 24,3 tỷ USD, giảm 6,7%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 27 tỷ USD, giảm 15,5%. Nếu không kể dầu thô thì kim ngạch xuất khẩu khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chỉ giảm 3,7% so với cùng kỳ năm 2008. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu 11 tháng 2009 đạt 61,7 tỷ USD, giảm 17,8% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm khu vực kinh tế trong nước đạt 39,3 tỷ USD, giảm 20,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 22,4 tỷ USD, giảm 13,2%. Nhập

siêu 11 tháng đầu năm 2009 ước tính 10,4 tỷ USD, bằng 20,3% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu và bằng 61,1% mức nhập siêu cùng kỳ năm 2008.

Như vậy, có thể thấy suy thoái kinh tế kéo theo nhu cầu tiêu thụ sụt giảm trên phạm vi toàn cầu, nhu cầu đối với sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam bị thu hẹp. Nếu như năm 2008 nhập siêu ở mức kỷ lục 18 tỷ USD, thì năm 2009, nhập siêu ước chỉ khoảng 12 tỷ USD do sự sụt giảm nhu cầu nhập khẩu tư liệu sản xuất phục vụ đầu tư sản xuất trong nước.

Về chuyển tiền một chiều

Một trong những nguồn thu quan trọng để bù đắp cho thâm hụt cán cân thương mại những năm gần đây là nguồn chuyển tiền ròng từ nước ngoài về Việt Nam. Do ảnh hưởng trực tiếp bởi cuộc khủng hoảng, lượng kiều hối có dấu hiệu suy giảm trong năm 2009.

Đầu năm 2009, lo ngại trước tác động của khủng hoảng kinh tế, các cơ quan quản lý Việt Nam ước tính, kiều hối sẽ giảm mạnh từ 15 – 20% xuống 5,8 – 6 tỷ USD. Tuy nhiên, theo ước tính từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và Bộ Tài chính, lượng kiều hối chuyển về Việt Nam năm 2009 có thể đạt tới 6,8 tỷ USD. Con số này tuy thấp hơn so với 7,2 tỷ USD của năm 2008, nhưng đã vượt xa so với dự báo đầu năm. Theo số liệu của NHNN, lượng kiều hối chuyển về Việt Nam từ năm 2005 đến năm 2008 liên tục tăng (năm 2005 là 4 tỷ USD, năm 2006 là 4,2 tỷ USD, năm 2007 là 6 tỷ USD và năm 2008 là 7,2 tỷ USD). Như vậy, đây là lần đầu tiên, lượng kiều hối về Việt Nam sụt giảm sau 4 năm tăng liên tiếp. Theo nhận định của một số ngân hàng thương mại lớn, lượng kiều hối chuyển về nước giảm là tất yếu, do khủng hoảng kinh tế toàn cầu khiến thu nhập của kiều bào đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài và số lượng lao động xuất khẩu của Việt Nam cũng giảm. Trong đó, ảnh hưởng từ việc thu nhập của kiều bào bị giảm là khá lớn, bởi Việt Nam có lượng kiều bào đông (khoảng trên 3 triệu người), tập trung nhiều ở các nước phát triển và có thu nhập bình quân đầu người cao như Mỹ (khoảng 1,5 triệu người), Pháp (khoảng 300.000 người), Canada (200.000 người), Australia (250.000 người).... Trong khi đó, ảnh hưởng từ việc giảm lao động xuất khẩu ít hơn, do mức đóng góp tương ứng của mảng này không cao.

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài

Ảnh hưởng của khủng hoảng tới các giao dịch vốn và tài chính thể hiện qua ảnh hưởng đến đầu tư trực tiếp nước ngoài, vay nợ nước ngoài, đầu tư gián tiếp nước ngoài (đầu tư vào giấy tờ có giá) và các hạng mục đầu tư khác (tiền vay và tiền gửi). Cán cân vốn và tài chính của Việt Nam luôn thặng dư trong nhiều năm liên tục, đóng góp nhiều nhất trong thặng dư cán cân vốn và tài chính là nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Dưới tác động của khủng hoảng, thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam có dấu hiệu giảm, trong khi đó, vốn FDI của Việt Nam ra nước ngoài chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Theo ước tính của Tổng cục thống kê, từ đầu năm đến 21/11/2009 nguồn vốn FDI vào Việt Nam đạt 19,7 tỷ USD, giảm 72% so với cùng kỳ năm 2008. Trong đó: Vốn đăng ký của 776 dự án được cấp phép mới đạt 14,6 tỷ USD (giảm 77,6% về vốn và giảm 47,5% về số dự án); vốn đăng ký bổ sung của 213 lượt dự án được cấp phép từ các năm trước đạt 5,1 tỷ USD. Vốn FDI giải ngân 11 tháng đầu năm 2009 ước tính đạt 9 tỷ USD, giảm 10,4% so với cùng kỳ năm 2008. Dưới tác động của cuộc khủng hoảng, các dòng vốn bắt nguồn từ các nước trong khu vực như Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Mỹ... bị chững lại. Bên cạnh đó, các nước châu Á, nơi chiếm tới 80% dòng vốn đầu tư vào Việt Nam cũng chịu tác động lan truyền của cuộc khủng hoảng. Trong giai đoạn khủng hoảng, chi phí huy động vốn trở nên đắt đỏ hơn do việc huy động vốn gặp khó khăn; việc đầu tư mới và việc thực hiện các dự án đã cam kết gặp hạn chế; giải ngân vốn FDI cũng giảm do các công ty đầu tư thận trọng hơn trong kế hoạch tài chính và đầu tư. Thêm vào đó, hầu hết các dự án đầu tư nói chung, dự án FDI nói riêng, phần nợ vay chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng vốn đầu tư, nên khi gặp khó khăn, hợp đồng vay vốn sẽ không được ký kết hoặc không thể giải ngân. Ngay cả các dự án đang triển khai cũng bị chững lại vì nhiều khả năng các công ty phải cân đối lại nguồn vốn, đảm bảo an toàn tài chính trong khủng hoảng, thậm chí có dự án có thể bị rút bỏ.

Về đầu tư gián tiếp

Luồng vốn đầu tư gián tiếp (FII) cũng là một trong những nguồn vốn góp phần làm gia tăng thặng dư cán cân vốn và tài chính, tài trợ cho thâm hụt cán cân vãng lai. Tuy nhiên, đây là luồng vốn rất nhạy cảm, dễ biến động đảo chiều theo môi

trường đầu tư và dưới tác động của các yếu tố bên ngoài, đặc biệt là trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế. Nhìn lại năm 2007, luồng vốn đầu tư gián tiếp đạt tới mức thặng dư cao kỷ lục 6,3 tỷ USD. Nhưng sang năm 2008 luồng vốn này đã đảo chiều chuyển ra ròng xấp xỉ 600 triệu USD, thể hiện nhà đầu tư nước ngoài đã rút vốn ra để thay đổi danh mục đầu tư chứng khoán. Năm 2009 luồng vốn đầu tư gián tiếp đã có dấu hiệu khả quan hơn, đặc biệt trong những tháng cuối năm trạng thái FII ròng luôn dương. Tuy nhiên ước tính lượng vốn FII rút ra ròng trong cả năm 2009 có thể xấp xỉ 500 triệu USD. Tác động của khủng hoảng tới đầu tư gián tiếp thể hiện trên nhiều khía cạnh: Thứ nhất, hoạt động đầu tư khó khăn do nhà đầu tư sẽ hướng tới các kênh đầu tư an toàn hơn. Do tính thanh khoản và qui mô của thị trường chứng khoán Việt Nam chưa đủ hấp dẫn, khả năng nhà đầu tư đã bán ra chứng khoán trên thị trường, ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp của Việt Nam. Hay nói cách khác, kênh huy động vốn trên thị trường chứng khoán sẽ gặp khó khăn. Thứ hai, ảnh hưởng của khủng hoảng tới đầu tư gián tiếp còn thể hiện qua khía cạnh đầu tư chênh lệch lãi suất giữa hai đồng tiền nhằm hưởng chênh lệch lãi suất trong khi tỷ giá ổn định (carry trade). Các giao dịch này mang tính đầu cơ ngắn hạn. Với lãi suất toàn cầu sụt giảm và chính sách tỷ giá neo VND vào USD của Việt Nam trong khi lãi suất VND vẫn ở mức cao, có thể dòng vốn này sẽ chảy vào trong một số giai đoạn nhất định nhằm khai thác cơ hội chênh lệch. Trong những trường hợp





thoái vốn, dòng vốn này có thể tạo áp lực tỷ giá cho VND. Thứ ba, việc phát hành chứng khoán huy động vốn trên thị trường quốc tế cũng sẽ khó khăn và chi phí tăng cao. Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế còn chưa phục hồi bền vững, việc thực hiện kế hoạch trên có thể sẽ gặp khó khăn.

Mặc dù gặp phải những khó khăn ngắn hạn do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, việc thu hút nguồn vốn đầu tư của Việt Nam vẫn hứa hẹn nhiều tiềm năng trong thời gian tới. Cơ quan thương mại và đầu tư Vương quốc Anh (UK Trade & Investment) đã công bố báo cáo mới về các thị trường mới nổi. Trong đó, Việt Nam được đánh giá là điểm nóng cho các nhà đầu tư trên thế giới. Theo báo cáo của UK Trade & Investment, GDP của Việt Nam đã tăng trưởng gấp 10 lần trong mỗi chu kỳ 10 năm từ 1986 và mức thu nhập của người dân đã tăng 10 lần tính từ năm 1986. Việt Nam đứng thứ 13 trên thế giới về dân số với 86 triệu dân và có một cơ cấu dân số trẻ, với 65% dưới 35 tuổi. Vương quốc Anh là nhà đầu tư EU đứng hàng thứ ba (sau Pháp và Hà Lan) tại Việt Nam với 109 dự án, tổng vốn đăng ký khoảng 2,04 tỷ USD. Mới đây, Phòng Thương mại Châu Âu tại Việt Nam (Eurocham) đã ra mắt “Cuốn sách Trắng” mang tên “Các vấn đề Thương mại và Kiến nghị năm 2010”. Eurocham đã kiến nghị hàng loạt các vấn đề liên quan đến thuế, ngân hàng, thủ tục hành chính, giao thông, dược phẩm... của Việt Nam. Tuy nhiên, cơ quan này cũng đánh giá môi trường đầu tư của nước ta đang được cải thiện.

Một điểm thuận lợi nữa là tại khu vực Đông Nam Á, Nhật Bản hướng nhiều nhất vào Việt Nam

với chiến lược đầu tư nhất quán từ Chính phủ cho đến các tập đoàn lớn. Các động thái gần đây của Nhật Bản đã rất rõ ràng. Việt Nam sẽ là nơi Nhật Bản phân bố lại sản xuất của họ. Nhật Bản cũng đã sáp nhập JICA và JBIC thành một quỹ viện trợ ODA khổng lồ. Mục tiêu của quỹ này cũng hướng về Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Một số giải pháp

Khủng hoảng KTTG có những tác động rõ rệt đối với các hoạt động thương mại, thu hút kiều hối, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Việc ổn định cán cân vãng lai, cán cân vốn và tài chính có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao tính bền vững của CCTT, từ đó bảo toàn và tăng cường dự trữ ngoại hối nhà nước, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối, tiền tệ, ổn định kinh tế vĩ mô. Do vậy, Việt Nam cần có những đối sách thích hợp và đồng bộ để vừa giảm nhập siêu, vừa gia tăng các nguồn tài trợ cho nhập siêu, thu hẹp thâm hụt cán cân vãng lai.

Đối với chính sách thương mại: ban hành các qui định cần thiết, hàng rào kỹ thuật về tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa, về vệ sinh an toàn thực phẩm để hạn chế nhập khẩu những hàng hóa không thiết yếu; đa dạng hoá các thị trường xuất khẩu, tăng cường phát triển trong thị trường nội địa, thay thế hàng nhập khẩu; áp dụng các biện pháp kích thích xuất khẩu, thực hiện chế độ tỷ giá linh hoạt hỗ trợ cho xuất khẩu và tăng mức tín dụng ưu đãi cho sản xuất hàng xuất khẩu.

Đối với chính sách tài khóa: xem xét nâng thuế đối với các mặt hàng nhập khẩu cho phù hợp với lộ trình cam kết với WTO; thắt chặt chi tiêu ngân sách thông qua kiểm soát hiệu quả tiến độ giải ngân vốn của các dự án. Với giải pháp này, nhu cầu nhập khẩu cho các dự án sử dụng vốn ngân sách có thể giảm, từ đó giảm nhập siêu.

Đối với chính sách đầu tư: Rà soát, xử lý việc thi công các dự án, công trình kém hiệu quả hoặc chưa cấp thiết để tập trung vốn cho các dự án, công trình trọng điểm, thúc đẩy tăng trưởng; Theo dõi diễn biến các luồng vốn đầu tư trực tiếp, gián tiếp để có biện pháp hỗ trợ kịp thời; rà soát, sửa đổi các cơ chế để tăng giải ngân vốn ODA, thu hút thêm FDI, FII;

Các chính sách khác: Tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo điều kiện đẩy mạnh sản xuất kinh doanh; có chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập, thuế giá trị gia tăng... cho các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả; có các biện pháp thu

hút nguồn chuyển tiền kiều hối về nước; tăng cường giám sát đối với hệ thống tài chính, ngân hàng, thị trường chứng khoán, thị trường vàng; Ngoài việc kiểm soát nhập khẩu qua kênh chính thức, cần tăng cường chống buôn lậu, quản lý thị trường■

Tài liệu tham khảo

– Trang web Tổng cục thống kê

– <http://www.nciec.gov.vn/index.nciec?1937>

– <http://www.baodautu.vn>

– <http://www.baomoi.com/Home/TaiChinh/dddn.com.vn/Nam-2009-du-kien-von-FII-rut-khoang-500-trieu-USD/3515602.epi>

– <http://vneconomy.vn/20081016011018103P0C6/anh-huong-khung-hoang-tai-chinh-den-viet-nam-duoc-va-mat.htm>

– <http://www.infotv.vn/kinh-doanh-dau-tu/dau-tu/37462-viet-nam-tro-thanh-diem-nong-cho-cac-nha-dau-tu>

– <http://www.anninhthudo.vn/tianyon/index.aspx?articleid=62866&channelid=6>

TẾT NĂM DẦN NÓI CHUYỆN HỔ

CHÚA SƠN LÂM

Trong các loài vật, hổ được coi là chúa sơn lâm. Trước hết là do hổ có sức khỏe phi thường lại to lớn, táo bạo, thông minh nên có thể tấn công và đánh bại cả những con thú to lớn hơn chúng như voi, bò tót, trâu rừng.... Một con hổ nặng hai tạ có thể quắp con mồi vài chục kg nhảy qua hàng rào, có thể kéo lê con mồi nặng hơn nó nhiều lần.

Hổ có hai thứ rất lợi hại là nanh và vuốt. So với răng của nhiều thú ăn thịt khác, răng hổ ít hơn nhưng cỡ lớn hơn, cạnh sắc. Răng cửa nhỏ và dẹt nhưng răng nanh rất to lớn, nhọn cắm ngập vào da thịt để xé xác. Răng hàm dẹt và có mấu sắc để cắn dập xương con mồi. Mặt hổ tròn, hàm trên và hàm dưới gần hình thành hai gọng kìm ngoạm mồi rất chặt. Bộ vuốt của cả hai bàn chân trước cực khỏe và sắc để tát, vỗ và giữ mồi. Chỉ cần một cái tát, đúng đích là hổ đã móc gọn hàm dưới của chú lợn lòi. Vì vậy, thỉnh thoảng hổ mài cho bộ vuốt sắc nhọn bằng cách cào vào thân cây.

Hổ thường cắn cổ và gáy, sau khi mau lẹ dùng sức mạnh quật ngã con mồi.

SINH ĐẼ VÀ TUỔI THỌ?

Khoảng trên 3 tuổi hổ mới trưởng thành. Hổ cái hai, ba năm đẻ một lứa. Hổ đực và hổ cái trưởng thành ngày thường sống riêng rẽ. Khi động dục chúng mới kết đôi để duy trì nòi giống, cũng si tình và ghen tuông. Đôi uyên ương cùng săn mồi và sống bên nhau. Lúc này, nếu có con thú 3 nào bén mảng đều bị coi là tình địch. Thường đến tuổi 20 hổ đã không còn khả năng sinh sản.

Trong mùa động dục (cuối đông, đầu xuân) hổ rất dữ tợn. Hổ mang thai ba tháng rưỡi. Mỗi lứa đẻ từ 2 đến 5 con nhưng thường chỉ có 1-2 con sống sót. Hổ con lớn rất nhanh, khoảng hai tuổi đã nặng gần một tạ và sống với mẹ đến 3 tuổi thì tách ra tự săn bắt mồi. Hổ mẹ chăm sóc con rất chu đáo, khi con biết ăn thịt đã bắt đầu dạy con săn mồi, chạy, nhảy, vờn, vỗ, tát....

Hổ ra đời và sống khoảng 30 năm, có lẽ vì thế người ta gọi hổ là “Ông ba mươi”.

MƯƠI MẸO CỦA ÔNG BA MƯƠI!

Hổ lắm mưu mẹo, biết bắt chước tiếng kêu làm con vật khác nhầm lẫn mà gặp nạn. Nai phát ra tiếng kêu “póc” gọi bạn, hổ cũng phát ra được âm thanh như thế. Khi chàng hoẵng gọi bạn tình, nàng hoẵng ứng thuận thường nện guốc xuống mặt đất để đáp lại. Hổ nghe thấy, nó nằm phục xuống mặt đất và dùng đuôi đập xuống đất hết như tiếng nện guốc của hoẵng cái.

Hổ thường đi dọc bờ sông sao cho bóng của mình không in xuống nước để cá phát hiện. Đến khúc sông có nhiều cá, hổ ngồi ở trên bờ và nhúng đuôi xuống nước. Lông đuôi hổ tỏa ra mùi hương như mồi cho cá đập, nhanh như chớp hổ cong đuôi ném cá lên bờ!

XEM HỔ ĐẤU

Ở nước ta, thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn... vua chúa cho lập đấu trường cho hổ và voi đấu để xem. Vua Minh Mạng quan niệm con voi tượng trưng cho sức mạnh của vương quyền, hổ là ác thú của rừng xanh. Bởi thế, trước khi vào trận đấu bao giờ hổ cũng bị buộc dây vào cột, còn voi được người quản tượng trợ giúp khi cần thiết. Có một trận hổ và voi đấu bên bờ sông Hương, triều đình bố trí quân lính vũ khí lăm lăm trong tay đứng thành hàng rào quanh đấu trường. Con hổ làm đứt dây buộc, nó giật dứ nhảy lên đầu con voi và tát người quản tượng té nhào xuống đất, sau đó hổ lao đi làm nhiều binh sĩ bị thương, vua và các quan bị một phen hết vía. Lần khác, vua Minh Mạng ngồi trên thuyền rồng xem hổ và voi đấu trên bờ. Khi đấu, hổ làm đứt dây buộc nhảy xuống sông và bơi đến chiếc thuyền của vua ngồi, làm mọi người kinh hoàng. Một tốp tướng sĩ nhảy xuống một chiếc thuyền bơi đến gần con hổ và phóng lao giết chết nó ngay giữa dòng sông■

QUỲNH NGÀ (sưu tầm)